

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUYỀN QUANG
TỈNH TUYỀN QUANG**

Bản án số: **28/2017/DS - ST**

Ngày 23 tháng 5 năm 2017

V/v: Tranh chấp Hợp đồng

vay tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYỀN QUANG, TỈNH TUYỀN QUANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Ngọc Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hà Hữu Bình
2. Bà Lê Thị Thảo

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Hoàng Thị Minh Ngọc - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Tuyền Quang;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyền Quang tham gia phiên toà: Bà Nông Thị Hương- Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuyền Quang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 65/2016/TLST- DS ngày 06 tháng 10 năm 2016 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 06/2016/QĐST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2017 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Đỗ Thị L**, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn T, xã A, thành phố T, tỉnh Tuyền Quang. Vắng mặt tại phiên toà

Người đại diện theo uỷ quyền: Chị **Đỗ Thị Minh T**, sinh năm 1972

Địa chỉ: Thôn A, xã A, thành phố T, tỉnh Tuyền Quang. Có mặt tại phiên toà

* Bị đơn: Anh **Nguyễn Công Đ**, sinh năm 1973

Địa chỉ: Tổ 02, phường H, thành phố T, tỉnh Tuyền Quang. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn chị Đỗ Thị L trình bày:

Chị và anh Nguyễn Công Đ có mối quan hệ quen biết, từ mối quan hệ đó nên ngày 05/5/2016 anh Đ có đến nhà chị để hỏi vay số tiền 87.000.000đ chị nhất trí cho anh Đ vay tiền. Khi vay tiền chị anh Đ có viết giấy vay tiền và cam kết thời hạn vay từ ngày 05/5/2016 đến ngày 05/8/2016 sẽ trả đủ số tiền vay. Trong giấy vay tiền không thoả thuận về lãi suất. Khi vay tiền anh Đ có để lại 01 thẻ Đảng viên số

77078086 ngày 02/9/2004 mang tên Nguyễn Công Đ. Sau khi viết giấy vay tiền chị đã giao đủ số tiền vay cho anh Đ. Sắp đến hạn trả nợ chị đã gọi điện thoại cho anh Đ yêu cầu anh Đ trả tiền đúng hạn anh Đ nhất trí nhưng sau khi đến hạn trả nợ thì anh Đ tắt điện thoại chị không liên lạc được, sau đó chị có đến nhà anh Đ để yêu cầu thanh toán tiền nhưng anh Đ không có nhà. Vì vậy chị khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Nguyễn Công Đ phải trả cho chị số tiền nợ gốc là 87.000.000đ (Tám mươi bảy triệu đồng) và tiền lãi theo lãi suất cơ bản do nhà nước quy định, thời gian tính lãi từ ngày 05/5/2016 đến ngày 08/8/2016 theo mức lãi suất cơ bản do nhà nước quy định là 0,75%/tháng cụ thể 03 tháng ngày x 0,75%/tháng = 2.022.000đ và tiền lãi từ ngày 08/8/2016 đến ngày trả hết số tiền nợ cho chị.

Tòa án đã nhiều lần gửi các Thông báo, giấy triệu tập cho anh Nguyễn Công Đ đến Tòa án để tham gia tố tụng nhưng anh Đ đều vắng mặt không có lý do. Tòa án đã xác minh, thu thập chứng cứ thể hiện: Anh Nguyễn Công Đ có đăng ký hộ khẩu tại tổ 02, phường Hưng Thành, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Trước đây anh Đ công tác tại kho KV2 cục Quân khí, Tổng cục kỹ thuật tại xã Hoàng Khai, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Theo thông tin mà địa phương được biết thì anh Đ đã giải ngũ, nghỉ hưu sớm, sau khi nghỉ hưu anh Đ về ở tại địa phương, từ khoảng cuối tháng 10/2016 anh Đ vắng mặt tại nơi cư trú, anh Đ đi đâu gia đình anh Đ và chính quyền địa phương đều không nắm được, anh Đ không báo cáo chính quyền địa phương về việc vắng mặt tại nơi cư trú.

Do bị đơn vắng mặt tại nơi cư trú nên Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời tiến hành thủ tục trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký của anh Nguyễn Công Đ.

Tại Kết luận giám định số 185/GD-KTHS ngày 07/4/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang kết luận: Chữ viết, chữ ký ghi tên Nguyễn Công Đ trong “GIẤY VAY TIỀN” ghi ngày 05/5/2016 với chữ viết chữ ký ghi tên Nguyễn Công Đ trên các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người viết và ký.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là chị Đỗ Thị Minh T yêu cầu anh Nguyễn Công Đ có nghĩa vụ thanh toán cho chị Đỗ Thị L số tiền gốc là 87.000.000 đồng và tiền lãi của số tiền này theo quy định của pháp luật. Đồng thời yêu cầu anh Đ phải chịu toàn bộ tiền chi phí giám định và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán: Từ khi thụ lý đơn và trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đảm bảo đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự; Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật, trình tự tại phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều

70 và Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của của nguyên đơn. Buộc anh Nguyễn Công Đ có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn số tiền gốc là 87.000.000đ (*Một trăm hai mươi triệu đồng*) và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Trước khi mở phiên tòa nguyên đơn chị Đỗ Thị L đã có giấy ủy quyền cho chị Đỗ Thị Minh T tham gia tố tụng, tại phiên tòa chị Thu có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và không có yêu cầu phản tố, không có người đại diện tham gia phiên tòa nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ pháp luật:

Ngày 05 tháng 5 năm 2016 anh Nguyễn Công Đ có viết giấy vay tiền của chị Đỗ Thị L (giấy vay tiền do anh Đ là người trực tiếp viết) với số tiền vay là 87.000.000 đồng, thời hạn trả tiền là ngày 05 tháng 8 năm 2016. Đến hạn trả nợ anh Đ không trả tiền cho chị L theo thỏa thuận nên chị L đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc anh Nguyễn Công Đ phải trả cho chị số tiền gốc là 87.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định. Như vậy, xác định tranh chấp trên là tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của chị L, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Nguyên đơn đã nộp cho Tòa án các giấy tờ về vay nợ do anh Nguyễn Công Đ viết. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án anh Đ không đến Tòa án tham gia tố tụng nên nguyên đơn đã yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ và trưng cầu giám định, tại kết luận giám định cũng đã kết luận: Chữ viết, chữ ký ghi tên Nguyễn Công Đ trong “GIẤY VAY TIỀN” ghi ngày 05/5/2016 với chữ viết chữ ký ghi tên Nguyễn Công Đ trên các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người viết và ký. Như vậy, đủ tài liệu và chứng cứ kết luận anh Nguyễn Công Đ có vay tiền của chị Đỗ Thị L số tiền 87.000.000đ. Do đó yêu cầu khởi kiện của chị L là có căn cứ chấp nhận.

Đối với yêu cầu của chị L về việc buộc anh Đ phải trả tiền lãi của số tiền 87.000.000đ (Tám mươi bảy triệu đồng) với lãi suất theo quy định của pháp luật. Xét thấy trong nội dung của giấy vay tiền giữa chị L và anh Đ ngày 05/5/2016 có thỏa thuận về thời hạn trả nợ mà không có thỏa thuận về lãi suất. Do vậy xác định quan hệ vay nợ giữa chị L và anh Đ là vay có thời hạn và không có lãi nên căn cứ theo khoản 4 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005: “*Trong trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi đối với khoản nợ chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn chậm trả tại thời điểm trả nợ, nếu có thoả thuận*”. Tại biên bản xác minh

ngày 22/5/2016 của Tòa án xác minh về lãi suất tại Ngân hàng Nhà nước – Chi nhánh Tuyên Quang thể hiện: Mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước được thực hiện theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9,0%/năm. Như vậy mức lãi suất được áp dụng là 9%/năm = 0,75%/tháng.

Như vậy, anh Nguyễn Công Đ phải có nghĩa vụ trả nợ cho chị Đỗ Thị L số tiền gốc đã vay ngày 05/5/2016 là 87.000.000đ và tiền lãi tính từ ngày 06/8/2016 đến ngày 23/5/2017 là 9 tháng 17 ngày = 87.000.000đ x 0,75%/tháng x 9 tháng 17 ngày = 6.242.250đ. Tổng cộng cả gốc và lãi anh Đ phải có nghĩa vụ trả nợ cho chị L là: 93.242.250đ làm tròn 93.242.000đ (Chín mươi ba triệu hai trăm bốn mươi hai nghìn đồng).

Đối với thẻ Đảng viên số 77078086 ngày 02/9/2004 mang tên Nguyễn Công Đ khi vay tiền của chị L anh Đ để lại để làm tin. Hội đồng xét xử thấy cần trả lại cho anh Đ.

[4]. Về chi phí giám định: Trong quá trình giải quyết vụ án, do anh Nguyễn Công Đ không có mặt nên Tòa án đã phải tiến hành giám định chữ viết và chữ ký của anh Đ để làm căn cứ giải quyết vụ án. Chi phí giám định là 3.000.000 đồng (theo giấy biên nhận ngày 07/4/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang). Số tiền trên chị Đỗ Thị L đã nộp để thực hiện việc giám định. Căn cứ vào Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự, buộc anh Nguyễn Công Đ phải chịu chi phí giám định và có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn số tiền này.

[5]. Về án phí: Anh Công Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật. 4.662.100đồng, làm tròn là 4.662.000đồng

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Áp dụng: - Điều 26; Điều 147; Điều 161; Điều 184; Điều 228; Điều 266; 267 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 474 và Khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự;

- Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử:

Buộc anh Nguyễn Công Đ có nghĩa vụ thanh toán chị Đỗ Thị L tổng số tiền là 93.242.000đ (Chín mươi ba triệu hai trăm bốn mươi hai nghìn đồng). Trong đó, tiền gốc là 87.000.000đ (Tám mươi bảy triệu đồng) và tiền lãi là 6.242.000đ (Sáu triệu hai trăm bốn mươi hai nghìn đồng).

Buộc anh Nguyễn Công Đ phải chịu chi phí giám định và có nghĩa vụ hoàn trả cho chị Đỗ Thị L số tiền 3.000.000 đồng.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ thi hành án chậm trả tiền thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với

thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trả lại cho anh Nguyễn Công Đ 01 thẻ Đảng viên số 77078086 ngày 02/9/2004 mang tên Nguyễn Công Đ.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Công Đ phải chịu 4.662.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Chị Đỗ Thị L không phải chịu án phí, hoàn trả cho chị Đỗ Thị L số tiền tạm ứng án phí mà chị Đỗ Thị L đã nộp là 2.225.000 đồng (*Hai triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số N⁰ 0002921 ngày 06/10/2016 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Tuyên Quang.

4. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao bản án hoặc bản án được niêm yết.

"Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự";

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND thành phố TQ (2 bản);
- THADS thành phố TQ;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Ngọc Hà